TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 62/2018/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 31 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Cà Thị A, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản S, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La;

Bị đơn: Anh Lò Văn M, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản U, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cà Thị A và anh Lò Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm:

Chị Cà Thị A và anh Lò Văn M nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Chị A và anh M có 02 con chung là cháu Lò Việt H, sinh ngày 14/10/2007 và cháu Lò Thị Thu N, sinh ngày 18/8/2009. Anh Lò Văn M nhận trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Việt H và cháu Lò Thị Thu N đến khi cháu hai cháu đủ tuổi trưởng thành. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M do anh M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị A được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị A thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị A và anh M xác nhận không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

đ. Về án phí: Chị Cà Thị A nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2013/04721 ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, được nhận lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga